

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động phát triển bền vững
đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg, ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Nghị Quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị của đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, tiến hành triển khai đạt mục đích, yêu cầu chương trình hành động đã đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT, TU, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Phòng KTN;
- Lưu: VT, 1.09.05.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tựu

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 183 /QĐ-UBND ngày 22 /01/2020
của UBND tỉnh Vĩnh Long).*

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Nghị Quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu,

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xây dựng Chương trình hành động phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP và các quyết định, chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần thực hiện trong từng giai đoạn. Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch tỉnh, các quy hoạch ngành, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ đã và đang triển khai thực hiện của tỉnh, ngành, địa phương.

Nâng cao nhận thức, tầm nhìn, trách nhiệm của các cấp, các ngành và tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong toàn tỉnh về thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp vì sự phát triển bền vững của tỉnh trong mối quan hệ tổng thể với sự phát triển bền vững của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ và giải pháp đề ra phải có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình thực hiện và thời hạn hoàn thành, bám sát hệ thống các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển bền vững nêu tại Nghị quyết số 120/NQ-CP và các quyết định, chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, các hướng dẫn của bộ ngành trung ương và đặc biệt là phải phù hợp với đặc điểm, tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh, từng địa phương, ngành, lĩnh vực ở từng giai đoạn.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình hành động phải đảm bảo có sự quyết tâm cao, đồng bộ, thường xuyên và kiên trì từ tỉnh đến cơ sở; có sự phối hợp chặt chẽ giữa Tổ chức cơ sở Đảng, Chính quyền và đoàn thể các cấp; có giám sát, đánh giá để rút kinh nghiệm để điều chỉnh và tổ chức thực hiện hiệu quả hơn.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung, xuyên suốt

Các nhiệm vụ trọng tâm, cần chú trọng, duy trì thực hiện thường xuyên và đồng bộ trong các giai đoạn để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, gồm:

1.1. Rà soát, hoàn thiện và bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách

Nghiên cứu, rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh góp ý, kiến nghị trung ương xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách có tính liên ngành, liên vùng nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, thiếu phối hợp trong công tác quản lý nhà nước, giảm sức mạnh tổng hợp của cả vùng như:

- (1) Cơ chế phối hợp, giám sát, đánh giá tiến độ và hiệu quả của Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP;
- (2) Cơ chế thí điểm điều phối vùng theo Quyết định số 593/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- (3) Phát triển, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hiện đại;
- (4) Phát triển công nghiệp, thương mại hỗ trợ cho nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản;
- (5) Liên kết giữa các địa phương trong vùng và với các khu vực khác;
- (6) Hỗ trợ xúc tiến thương mại đưa sản phẩm hàng hóa của tỉnh Vĩnh Long vào các chuỗi phân phối trong nước và quốc tế;
- (7) Sửa đổi chính sách đất đai, tạo thuận lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn có sức cạnh tranh, hiệu quả cao và bền vững;
- (8) Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp;

(9) Phát triển vùng đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm sinh thái tự nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng;

(10) Phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là đồng bào Kh'Mer.

1.2. Cập nhật, hệ thống hóa số liệu, dữ liệu liên ngành, tăng cường điều tra cơ bản

Phối hợp với Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác điều tra cơ bản, hệ thống hóa số liệu, dữ liệu liên ngành phục vụ xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý và công tác quy hoạch.

Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo, dự báo về tài nguyên và môi trường và thường xuyên cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng nhằm chủ động phòng chống, giảm thiểu các tác động và thiệt hại do thiên tai, sạt lở, sụt lún trên địa bàn tỉnh.

1.3. Xây dựng quy hoạch và tổ chức không gian lãnh thổ

Rà soát, đánh giá, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và xây dựng quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch và phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Quy hoạch mới cần chuyển từ “sống chung với lũ” sang “chủ động sống chung với lũ”. Việc tổ chức không gian lãnh thổ của tỉnh phải gắn với tổ chức không gian lãnh thổ của vùng ĐBSCL, hình thành các tiểu vùng sinh thái làm định hướng phát triển kinh tế, nông nghiệp và cơ sở hạ tầng; tổ chức, phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm của hệ sinh thái tự nhiên, điều kiện cụ thể từng vùng sinh thái.

1.4. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý thích ứng với biến đổi khí hậu

Xây dựng cơ cấu kinh tế theo hướng nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ hiện đại dựa trên nền tảng thay đổi tư duy, tầm nhìn, mô hình, tập quán sản xuất theo hướng đa dạng, dài hạn, dựa trên hệ sinh thái, lấy tài nguyên nước làm yếu tố cốt lõi, khai thác và sử dụng hiệu quả nước lợ, nước mặn, chủ động sống chung với lũ, thích nghi với các đặc tính tự nhiên, phù hợp với lịch sử, văn hóa của tỉnh và vùng ĐBSCL. Cụ thể:

a) Nông nghiệp: Chuyển tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy sang phát triển kinh tế nông nghiệp theo mô hình mới, đa dạng, đáp ứng yêu cầu của thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo 3 trọng tâm cây ăn trái - lúa - thủy sản gắn với các tiểu vùng sinh thái. Xây dựng mô hình kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp với tự nhiên, chủ động thích ứng với hạn, mặn. Hình thành rõ nét các sản phẩm mũi nhọn của tỉnh.

b) Công nghiệp: Phát triển công nghiệp xanh, ít phát thải, không gây tổn hại đến hệ sinh thái tự nhiên. Chú trọng phát triển năng lượng tái tạo, phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo các sản phẩm thân thiện với môi trường. Phát triển mới, mở rộng các khu, cụm công nghiệp tập trung để hình thành vùng động lực thúc đẩy kinh tế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

c) Dịch vụ: Phát triển dịch vụ - du lịch thành một ngành kinh tế mạnh dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đặc điểm tự nhiên, sinh thái, nét đặc trưng văn hóa và con người của tỉnh Vĩnh Long. Phát huy tối đa vị trí thuộc khu vực trung tâm vùng Đồng bằng sông để hình thành các ngành dịch vụ hiện đại, có giá trị gia tăng và năng suất lao động cao.

1.5. Đầu tư và phát triển hạ tầng

Các dự án đầu tư và phát triển hạ tầng phải đảm bảo thống nhất, kết nối nội tỉnh và hướng tới tính liên vùng; đảm bảo tính liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm và có lộ trình hợp lý, phù hợp với nguồn lực trong từng giai đoạn. Ưu tiên các công trình cấp bách, công trình có tính chất động lực thuộc các trục phát triển kinh tế của tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, các công trình thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân; chú trọng đến cả các giải pháp công trình và phi công trình, đẩy mạnh hình thức đối tác công - tư.

Đẩy mạnh công tác điều tra, khảo sát, xây dựng và phê duyệt các dự án đầu tư để triển khai thực hiện ở giai đoạn sau năm 2020. Trọng tâm là bảo vệ bờ sông, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè kết hợp với hiện đại hóa hệ thống thủy lợi; nâng cấp, phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn; Bảo đảm nhà ở an toàn trong điều kiện ngập lụt, khô hạn, bão, lũ, giông, lốc, nước biển dâng; Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông; mở rộng hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, các khu xử lý chất thải rắn.

1.6. Phát triển và huy động nguồn lực

Triển khai công tác truyền thông nhằm tăng cường nhận thức từ các cấp lãnh đạo tới doanh nghiệp và người dân về những cơ hội của các mô hình chuyển đổi nhằm phát triển bền vững tỉnh Vĩnh Long Long thích ứng với biến đổi khí hậu để thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP. Hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, phổ biến nhân rộng các mô hình hiệu quả, sáng kiến thích ứng với biến đổi khí hậu.

Huy động nguồn lực về tài chính cho các hoạt động phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa. Phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, giảm nhẹ các tổn thương, tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu gây ra.

2. Phân kỳ thực hiện

Trọng tâm các nhiệm vụ trong các giai đoạn phát triển theo phụ lục 1 đính kèm. Việc xây dựng và phê duyệt các chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai 6 nhóm nhiệm vụ nêu trong mục II.1 được thực hiện trước năm 2020 và sẽ được cập

nhật và tiếp tục thực hiện giai đoạn 2021 - 2030, định hướng giai đoạn 2031 - 2050 và đến năm 2100.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp thực hiện công tác điều tra cơ bản về tái nguyên và nguyên và môi trường nhằm hỗ trợ công tác dự báo, phòng chống thiên tai, sạt lở và sụt lún ở tỉnh, tiến tới tích hợp dữ liệu vào Trung tâm tích hợp dữ liệu vùng ĐBSCL theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cập nhật và triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Vĩnh Long; triển khai kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố trên địa bàn tỉnh. Rà soát, kiến nghị trung ương hoàn thiện chính sách, pháp luật để thúc đẩy tập trung, chuyển đổi đất đai phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, quy mô lớn; tạo nguồn lực từ đất đai để thu hút, phát triển các dự án có tính chất động lực, các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với các sở ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan trong nghiên cứu, chuẩn bị danh mục các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu; đầu tư, mở rộng hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, các khu xử lý chất thải rắn; đẩy mạnh các hoạt động tái chế, tái sử dụng và sản xuất năng lượng từ rác theo hướng phát triển bền vững.

3.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh tham gia góp ý các về cơ chế, chính sách đặc thù và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động liên kết vùng; trong đó chú trọng xây dựng, hoàn thiện đề án, trong cơ chế, chính sách hợp tác, liên kết phát triển tiểu vùng Duyên hải phía đông.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan đẩy mạnh huy động nguồn lực về tài chính cho các hoạt động phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên bố trí ngân sách tỉnh thực hiện các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương, đảm bảo nguồn vốn thực hiện các chương trình, đề án tại phụ lục 2 đính kèm chương trình hành động này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan ưu tiên huy động, bố trí nguồn lực, chủ động chuẩn bị hạ tầng cho các dự án sản xuất hiện đại, quy mô lớn, đầu tư cho phát triển bền vững. Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động xúc tiến đầu tư, tận dụng tốt cơ hội khai thác dòng vốn đầu tư nước ngoài, hỗ trợ doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước triển khai thực hiện các dự án.

- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ thẩm định, phê duyệt và giao vốn đầu tư công cho các công trình, dự án đầu tư trọng điểm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các dự án có tính kết nối

với vùng. Tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân, bảo đảm sử dụng hiệu quả số vốn đầu tư công trung hạn.

3.3. Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng ngân sách để tham mưu, bố trí kịp thời kinh phí chi thường xuyên cho các hoạt động triển khai Chương trình hành động này; tích cực nghiên cứu tham mưu góp ý trung ương hoàn thiện cơ chế để điều tiết, chia sẻ lợi ích và phân bổ nguồn thu từ các dự án liên kết vùng ĐBSCL.

3.4. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Nghiên cứu triển khai các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng cơ cấu lại nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng trên diện tích đất canh tác, tiết kiệm tài nguyên nước.

- Chủ trì, trực tiếp chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực kinh tế nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với nhu cầu của thị trường, phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Vĩnh Long và các sở, ngành liên quan đẩy mạnh triển khai các dự án, công nghệ hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện ngay những nhiệm vụ cấp bách về chống sạt lở, sụt lún nghiêm trọng tại các khu vực bờ sông. Bảo vệ, củng cố, nâng cấp hệ thống kè, đê, kết hợp với nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ phòng chống thiên tai, phát triển sinh kế, phục vụ chuyển đổi, phát triển và tái cơ cấu nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái. Đầu tư hệ thống ngăn mặn, tiếp ngọt đảm bảo sản xuất theo thời vụ.

3.5. Sở Công thương

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thúc đẩy phát triển các lĩnh vực tái tạo, công nghiệp ít phát thải, hỗ trợ chế biến nông, thủy sản; phát triển thương mại điện tử, mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu. Phát triển công nghiệp, thương mại hỗ trợ cho nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp. Hỗ trợ xúc tiến thương mại đưa sản phẩm hàng hóa của tỉnh Vĩnh Long vào các chuỗi phân phối trong nước và quốc tế.

3.6. Sở Xây dựng

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan đề xuất các giải pháp phát triển đô thị, nông thôn trong tỉnh thích ứng với biến đổi khí hậu; đề xuất, thực hiện các giải pháp bảo đảm cung cấp nước sạch sinh hoạt toàn tỉnh (khu vực đô thị và nông thôn).

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan đề xuất giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa, ứng dụng công nghệ mới, thu hút nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư, sử dụng các vật liệu xây dựng mới thay thế cát sông.

- Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Vĩnh Long và các các sở, ngành liên quan đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách tín dụng hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số; chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với UBND các địa phương, các đơn vị liên quan thực hiện nâng cấp, phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm của hệ sinh thái tự nhiên, điều kiện cụ thể của tỉnh, vùng sinh thái. Bảo đảm nhà ở an toàn trong điều kiện ngập lụt, sạt lở, khô hạn, bão, lũ, giông, lốc, nước biển dâng. Trước mắt đầu tư, xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ kết hợp với xây dựng cụm, tuyến dân cư phục vụ tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng như giao thông, thủy lợi, nâng cấp đô thị... trên địa bàn tỉnh; thí điểm xây dựng mô hình nhà, công trình phòng, tránh lốc, bão.

3.7. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tập trung nguồn lực để hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình, dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn, ưu tiên các công trình giao thông tại các vùng có nguy cơ cao về ngập lụt, các công trình phục vụ kết nối, trung chuyển thúc đẩy vận tải đa phương thức. Các công trình phải vừa đảm bảo tính kết nối, đồng bộ nội tỉnh, đồng thời hướng đến kết nối với các tuyến giao thông chính, huyết mạch của vùng trong hiện tại và tương lai. Khai thác tối đa lợi thế giao thông thủy của ông Tiền và sông Hậu.

Phối hợp với các Sở Thông tin và Truyền thông, Công thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan đầu tư, xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cấp điện, cấp nước, thoát nước, y tế.

3.8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án phát triển du lịch nội tỉnh gắn với phát triển du lịch đồng bằng sông Cửu Long; ưu tiên liên kết phát triển các mô hình du lịch miệt vườn, du lịch sông nước, du lịch sinh thái gắn với bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên.

3.9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, đánh giá nhu cầu, xây dựng các chương trình, đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các xu hướng hội nhập, dịch chuyển sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường. Chú trọng phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, giáo dục nghề nghiệp phục vụ các đề án về chuyển đổi ngành nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa; phát triển nguồn lao động cho kinh tế tập thể, hợp tác xã. Đổi mới, đẩy mạnh liên kết trong và ngoài nước trong công tác đào tạo, cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ thu hút sự tham gia của doanh nghiệp; thực hiện chính sách phục vụ an sinh xã hội.

3.10. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người. Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng; tất cả các trẻ em gái và trai được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng để sẵn sàng bước vào cấp tiểu học; tiếp cận công bằng cho tất cả nam và nữ đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có chất lượng.

3.11. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực cho các cơ sở nghiên cứu trên địa bàn để nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất hiện đại, có hàm lượng khoa học công nghệ cao, quy mô lớn và phát triển bền vững. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; hợp tác phát triển nguồn nhân lực.

Ưu tiên bố trí nguồn lực khoa học và công nghệ, triển khai có hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả, thực chất. Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách phục vụ sản xuất và bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, giảm nhẹ các tổn thương, tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu gây ra. Nghiên cứu, chọn tạo, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; nghiên cứu tạo nguồn vật liệu mới thay thế, phục vụ san lấp, xây dựng để hạn chế việc lấy cát từ lòng sông.

3.12. Sở Thông tin và Truyền thông

Tập trung xây dựng và phát triển vững mạnh ngành thông tin và truyền thông, hoàn thiện Chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ tốt cho người dân, doanh nghiệp, hướng đến hình thành thành chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số và tiếp cận nhanh cuộc cách mạng 4.0, góp phần cải thiện chất lượng tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

3.13. Các hội doanh nghiệp, ngành nghề, nhà đầu tư

Tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi, tăng cường đầu tư nguồn lực tài chính, công nghệ cao, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực trong tỉnh. Đổi mới hoạt động quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tích cực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Vận động, khuyến khích các doanh nghiệp, các hợp tác xã thành viên đầu tư vào các dự án sản xuất hiện đại, có hàm lượng khoa học công nghệ cao, quy mô lớn, ứng phó với những thách thức từ thiên tai và biến đổi khí hậu.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ tham mưu UBND tỉnh sơ kết, tổng kết, báo cáo, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chính phủ các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động phát triển bền vững của tỉnh nói riêng và Chương trình hành động tổng thể của vùng ĐBSCL nói chung.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; kịp thời báo cáo và tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những giải pháp giải quyết những bất cập, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện ở địa phương, hoặc phối hợp với các tỉnh, thành, bộ, ngành trung ương bảo đảm việc triển khai Chương trình hành động đúng tiến độ, mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và cơ quan liên quan xây dựng Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật về quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động này.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với lộ trình, khả năng cân đối vốn và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan bố trí hoặc hướng dẫn bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên (theo khả năng cân đối ngân sách) để triển khai các hoạt động hợp tác, liên kết phát triển vùng và các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động này.

4. Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức quán triệt, cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 120/NQ-CP và chương trình hành động này vào nội dung Văn kiện đại hội Đảng các cấp, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) của tỉnh, địa phương.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ trong phụ lục 1 của chương trình hành động này thành các nhiệm vụ, giải pháp của ngành, địa phương để tham mưu UBND, chủ tịch UBND tỉnh lãnh chỉ đạo thực hiện theo các giai đoạn phát triển.

- Tập trung lãnh chỉ đạo tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chương trình, dự án, nhiệm vụ tại phụ lục 2 đính kèm chương trình hành động này đảm bảo hiệu quả và đúng lộ trình.

- Huy động tối đa các nguồn lực cả trung ương và địa phương, cả ngân sách và ngoài ngân sách để tổ chức thực hiện đạt các mục tiêu phát triển bền vững tại phụ lục 3 đính kèm chương trình hành động này. Trong đó cần đẩy mạnh và tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã được giao cho các sở, ngành, địa phương trong Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Thực hiện ngay và thương xuyên việc rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt, đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch trên phạm vi trong tỉnh và vùng ĐBSCL. Chủ động nghiên cứu, kiến nghị nội dung quy hoạch do ngành, địa phương quản lý để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Chủ trì rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng phương án phát triển để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công.

- Định kỳ hằng năm, báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đang triển khai, kết quả các nhiệm vụ đã hoàn thành, các nhiệm vụ chưa hoàn thành so với tiến độ thời gian yêu cầu và nguyên nhân, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo UBND, Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long và các đoàn thể trên địa bàn huy động mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia góp ý, phản biện và giám sát quá trình hoạch định và thực thi cơ chế, chính sách phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Vĩnh Long nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

Căn cứ Chương trình hành động này, các sở, ban ngành tỉnh, UBND dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan được giao các nhiệm vụ, đề án, dự án, triển khai xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tựu